

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HS-ST
Ngày 06 -8- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Phượng

Ông Hứa Minh Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lăng Thị Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2021/TLST-HS, ngày 31 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/TB-TA ngày 08 tháng 7 năm 2021, Thông báo số 235/2021/TB-TA ngày 19 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hứa Viết T, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1974 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn N, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Viết C (đã chết) và bà Phùng Thị L, sinh năm 1941; vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1973 và 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 29-10-2020, tạm giam ngày 04-11-2020 đến nay; có mặt.

2. Triệu Văn Q, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 17 tháng 9 năm 1983 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn N, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Viết P, sinh năm 1956 và bà Dương Thị A, sinh năm 1958; vợ: Phùng Thị B, sinh năm 1986 và

02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định 0552 ngày 10-11-2009 của Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn về vi phạm trật tự công cộng, bị cáo đã chấp hành xong đã được xóa tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 29-10-2020, tạm giam ngày 04-11-2020, đến ngày 13-5-2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh đến nay; có mặt.

3. Lương Văn D, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 25 tháng 3 năm 1988 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã L, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn M1, sinh năm 1951 (đã chết) và bà Hoàng Thị S1, sinh năm 1953; vợ, con: Chưa có; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2014/HS-ST ngày 26-5-2014 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong chưa được xóa án tích; tiền sự: Không có; nhân thân: Đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 17-11-2020, tạm giam ngày 20-11-2020 đến nay; có mặt.

4. Ngụy Văn A1, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 28 tháng 4 năm 1992 tại huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn G, sinh năm 1962 và bà Ngụy Thị E, sinh năm 1970; vợ: Nông Thị M, sinh năm 1989 và 01 con sinh năm 2010; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2014/HS-ST ngày 26-5-2014 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong chưa được xóa án tích; tiền sự: Không có; nhân thân: Đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-01-2021 đến nay; có mặt.

5. Nguyễn Trung K, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 11 tháng 7 năm 1994 tại huyện A, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Khu D, thị trấn C, huyện A, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974 và bà Quân Thị O, sinh năm 1975; vợ: Dương Ánh I, sinh năm 1995 và 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp cho bảo lãnh từ ngày 21-01-2021 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hứa Viêt T:* Bà Phạm Thị R – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn Q:* Bà Lê Thị S – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn D:* Bà Lương Thị Hương U – Trợ giúp viên pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Ngụy Văn A1:* Bà Nguyễn Thị Trung V – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Chị Sơn Thị Y, vắng mặt.
2. Chị Ma Ngọc X, vắng mặt.
3. Chị Nguyễn Đức Z, vắng mặt.
4. Anh Vũ Trí F, vắng mặt.
5. Anh Hoàng Trọng T1, vắng mặt.

Người chứng kiến: Ông Nguyễn Mạnh H1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 28-10-2020 tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Đoàn Biên phòng Na Hình thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tại khu vực đồi T, thuộc thôn N, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn phát hiện tại lán của Triệu Văn Q có 05 người Việt Nam (gồm 02 nữ, 03 nam) có biểu hiện nghi vấn. Qua kiểm tra các đối tượng khai nhận tên Sơn Thị Y (tên gọi khác An Thị Quỳnh N1), sinh năm 2001, cư trú: Ấp H, xã Q, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Mã Ngọc X, sinh năm 2000, cư trú: Tổ E, khu phố F, phường V, thành phố R, tỉnh K Giang; Nguyễn Đức Z, sinh năm 1992, cư trú: Thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Vũ Trí F, sinh năm 2003, cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Hoàng Trọng T1, sinh năm 1992, cư trú: Thôn T, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Qua khai thác Triệu Văn Q khai nhận 05 người trên có mặt tại lán của Triệu Văn Q đang đợi để đưa dẫn người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc theo đường mòn biên giới, những người này Triệu Văn Q đón tại đường quốc lộ (bờ đập cũ) thuộc thôn N, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đến lán của Triệu Văn Q từ tối ngày 27-10-2020 theo lời của Hứa Viết T để Hứa Viết T đưa dẫn những người này sang Trung Quốc, xong việc Hứa Viết T sẽ trả tiền công cho Triệu Văn Q.

Đối với hành vi của Hứa Viết T, Triệu Văn Q, Lương Văn D và Ngụy Văn A1 xác định:

Khoảng tháng 5 năm 2020, Lương Văn D đang ở lán tại khu ruộng B thuộc thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn gặp một người thanh niên, người này không cho biết tên, địa chỉ mà chỉ nói quê ở tỉnh Bắc Giang vừa đi làm thuê ở Trung Quốc về. Qua trao đổi, người này thuê Lương Văn D đưa dẫn người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc. Lương Văn D cho biết chỉ đưa người lên đến biên giới, không đưa vào sâu trong nội địa Trung Quốc được. Người này lấy số điện thoại 0328540453 của Lương Văn D và hẹn khi nào có khách có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì gọi để Lương Văn D đón và đưa đi .

Khoảng đầu tháng 8 năm 2020, khi Lương Văn D đi bán quả hồi tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thì gặp Hứa Viết T, do đã quen biết từ trước nhưng không có số điện thoại của nhau nên Lương Văn D đã chủ động xin số điện thoại của Hứa Viết T là 0364764660 với mục đích khi nào có khách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì Lương Văn D sẽ gọi cho Hứa Viết T đón và đưa khách đi theo đường đồi tránh chốt kiểm soát của lực lượng Bộ đội biên phòng tại dốc G thuộc thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nhưng lúc này Lương Văn D chưa nói cho Hứa Viết T biết việc cùng tham gia đưa dẫn người xuất cảnh trái phép.

Khoảng giữa tháng 10 năm 2020, có số điện thoại Trung Quốc (Lương Văn D không nhớ số) gọi cho Lương Văn D, khi nghe thì một phụ nữ tự giới thiệu tên B1 (không cho biết họ, năm sinh, địa chỉ cụ thể) mà chỉ nói là người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Trung Quốc. H cho biết được một người thanh niên quê ở Bắc Giang cho số điện thoại của Lương Văn D. Đồng thời B1 cho biết hiện có khách đang có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và đặt vấn đề thuê Lương Văn D đưa dẫn với giá tiền công là 180NDT/người. Tuy nhiên B1 chưa cho Lương Văn D biết số lượng khách cụ thể và bảo Lương Văn D khi nào khách đi thì B1 sẽ báo lại cho Lương Văn D biết, đồng thời có Q1 (con nuôi của B1) sẽ đưa khách đến cho Lương Văn D để đưa dẫn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Lương Văn D đồng ý.

Trong thời gian này Lương Văn D đang chăm sóc bố để là ông Lương Văn M1 tại Bệnh viện Lao Phổi tỉnh Lạng Sơn nên Lương Văn D đã gọi cho Hứa Viết T đặt vấn đề thuê Lương Viết V1 đón người để đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với giá tiền công là 100NDT/ người, Hứa Viết T chưa đồng ý ngay và nói để xem đã. Sau đó Lương Văn D đến nhà Ngụy Văn A1 (em con chú ruột) chơi và rủ Ngụy Văn A1 cùng tham gia đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Ngụy Văn A1 đồng ý. Lương Văn D đưa cho Ngụy Văn A1 01 chiếc điện thoại có số 0373943681, trong máy có lưu số điện thoại của Hứa Viết T và bảo Ngụy Văn A1 liên hệ với Hứa Viết T để cùng nhau đi đón khách.

Ngày 21-10-2020, Ngụy Văn A1 đến nhà Hứa Viết T tại thôn N, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn tại đây Ngụy Văn A1 bảo Hứa Viết T đi đón khách xuất cảnh trái phép, giá tiền công là 100NDT/khách, nhiệm vụ của Hứa Viết T là đón, dẫn khách từ thôn N, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đến dốc O thuộc

thôn U, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để giao cho Lương Văn D, Hứa Viết T đồng ý .

Ngày 26-10-2020, Lương Văn D nhận được số điện thoại 0398984041 của một người đàn ông tên Q1 (không biết thông tin), Q1 thông báo cho Lương Văn D biết có 05 khách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và hỏi Lương Văn D đón khách ở đâu, Lương Văn D bảo Q1 cứ cho khách lên đến ngã ba X, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn Lương Văn D sẽ cho người đón. Q1 bảo Lương Văn D khi nào đưa khách lên sẽ thông báo sau.

Chiều ngày 27-10-2020, Q1 thông báo cho Lương Văn D biết đến chiều tối sẽ cho 11 khách (thêm 06 khách) lên thị trấn S và bảo Lương Văn D bố trí người đón. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Lương Văn D điện thoại thông báo cho Hứa Viết T và Ngụy Văn A1 biết khách đang ở thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và bảo Ngụy Văn A1 liên hệ với Hứa Viết T để cùng đón khách, khi nào đón được khách thì đưa lên lán ở trên đồi T thuộc thôn N, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn ngủ qua đêm. Ngày hôm sau Lương Văn D sẽ đến đón và đưa những người này xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Lương Văn D đã gửi cho Ngụy Văn A1 số điện thoại 0398984041 của Q1 để trực tiếp liên hệ đón khách từ ngã ba X, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đưa đến thôn N, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để giao cho Hứa Viết T. Ngụy Văn A1 đồng ý.

Khoảng 16 giờ ngày 27-10-2020, Hứa Viết T đi tìm trâu của gia đình bị lạc, khi đến khu vực lán của Triệu Văn Q thì gặp Triệu Văn Q đang ở lán. Hứa Viết T cho Triệu Văn Q biết đang có người đặt vấn đề thuê đi đón người xuất cảnh trái phép với giá tiền công là 100NDT/người và rủ Triệu Văn Q tham gia cùng, tiền công thu được chia đôi, Triệu Văn Q đồng ý. Hứa Viết T bảo Triệu Văn Q đến tối cùng nhau đi đón khách, khi nào đi Hứa Viết T sẽ gọi.

Khoảng 17 giờ, Hứa Viết T gọi vào số điện thoại 0373943681 do Ngụy Văn A1 đang sử dụng để hỏi thời gian đón khách, Ngụy Văn A1 cho Hứa Viết T biết khách đang ở thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn khi nào lên thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thì sẽ thông báo cho Hứa Viết T biết để xuống đường đón. Do đang bận đi tìm trâu nên Hứa Viết T đã gửi cho Triệu Văn Q số điện thoại 0373943681 của Ngụy Văn A1 và bảo Triệu Văn Q trực tiếp liên lạc với Ngụy Văn A1 để cùng nhau đi đón khách. Sau khi Triệu Văn Q gọi cho Ngụy Văn A1 để hỏi khách đến chưa thì Ngụy Văn A1 cho biết khoảng 18 - 19 giờ khách mới lên đến thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Khoảng 17 giờ 30 phút, Ngụy Văn A1 đi xe mô tô có biển kiểm soát 12H1- 334.24 từ nhà ra thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn trên đường đi Ngụy Văn A1 đã gọi cho Triệu Văn Q xuống đường để đón khách, sau khi nghe điện thoại xong, Triệu Văn Q đi từ lán xuống đường liên thôn thuộc thôn N để đón người, khi Triệu Văn Q đang đứng đợi ở đường thì Ngụy Văn A1 gọi cho Triệu Văn Q hỏi đang ở đâu, Triệu Văn Q cho biết đang đứng ở bờ đập thuộc thôn N, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn một lát sau Triệu Văn Q thấy có người đi xe mô tô, hiệu Honda Wave, không rõ biển kiểm soát (do trời tối nên Triệu Văn Q

không để ý) đi đến nhìn thấy Triệu Văn Q đang đứng đợi ở đó thì quay đầu xe đi luôn. Còn Triệu Văn Q tiếp tục đứng đợi để đón khách.

*** Đối với hành vi của Nguyễn Trung K:** Khoảng giữa năm 2018, thông qua Nguyễn Thị C1, sinh năm 1983, trú tại thị trấn C, huyện A, tỉnh Bắc Giang (là cô ruột của Nguyễn Trung K) Nguyễn Trung K quen biết P1 (bạn của Nguyễn Thị C1, đang sinh sống tại Trung Quốc) và đã kết bạn qua Zalo, khi P1 về Việt Nam thường hay gọi điện thoại cho K đến đón từ Cửa khẩu quốc tế H đưa đến sân bay N và ngược lại.

Ngày 24-10-2020, P1 đã liên hệ với Nguyễn Trung K qua Zalo để đặt vấn đề thuê Nguyễn Trung K lên thị trấn Đ để trả tiền ăn, tiền nhà nghỉ cho Mã Ngọc X và Sơn Thị Y, đợi có người đến đón để đưa Mã Ngọc X và Sơn Thị Y xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì Nguyễn Trung K xong việc và quay về Bắc Giang, khi nào P1 về Việt Nam sẽ thanh toán cho Nguyễn Trung K 1.000.000 (một triệu) đồng tiền công và toàn bộ chi phí mà Nguyễn Trung K đã thanh toán, Nguyễn Trung K đồng ý. Sáng ngày 25-10-2020, Nguyễn Trung K đi xe ô tô biển kiểm soát 98A - 335.62 đến nhà nghỉ A tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi trả các khoản chi tiêu cho Mã Ngọc X và Sơn Thị Y, Nguyễn Trung K tiếp tục được P1 đặt vấn đề khi nào có người đến đón để đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì Nguyễn Trung K đi cùng để đưa Mã Ngọc X và Sơn Thị Y lên khu vực biên giới, khi nào xong việc thì Nguyễn Trung K quay về, Nguyễn Trung K đồng ý.

Ngày 27-10-2020, người đàn ông tên Q1 sử dụng số điện thoại 0398984041 gọi cho Nguyễn Trung K thông báo chiều tối sẽ có người đến đón và đưa lên biên giới để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và bảo Nguyễn Trung K thông báo cho Mã Ngọc X và Sơn Thị Y chuẩn bị đồ đạc. Khoảng 18 giờ 15 phút, có một số điện thoại lạ (Nguyễn Trung K không nhớ số điện thoại) gọi cho Nguyễn Trung K bảo ra cổng nhà nghỉ A có xe ô tô đón đưa lên biên giới, sau khi nghe điện thoại xong Nguyễn Trung K, Mã Ngọc X và Sơn Thị Y xuống trả phòng và đi ra cổng, khi ra đến nơi thấy có 01 xe ô tô hiệu Hyundai I10, màu trắng đợi ở đường, ngoài lái xe ra còn có 02 khách (01 nam, 01 nữ) ngồi trên xe. Sau khi Nguyễn Trung K, Mã Ngọc X và Sơn Thị Y lên xe thì được lái xe đưa đến khu vực thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Khi đến nơi Nguyễn Trung K trả tiền xe cho cả ba người với giá 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Trên đường đi còn có 01 xe ô tô nhãn hiệu Suzuki loại 07 chỗ chở khách đi trước (trong đó có Nguyễn Đức Z, Hoàng Trọng T1, Vũ Trí F và 04 người khác).

Khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, khi hai xe ô tô chở khách lên đến ngã ba X, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thì được Ngụy Văn A1 đón và dẫn đến chỗ Triệu Văn Q đang đứng đợi tại thôn N, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi giao khách cho Triệu Văn Q xong, Ngụy Văn A1 đi về nhà, trên đường về Ngụy Văn A1 gọi điện thoại thông báo cho Lương Văn D biết đã giao khách cho người của Hứa Viết T. Đến khoảng 20 giờ Lương Văn D đến nhà Ngụy Văn A1 lấy lại chiếc điện thoại có số 0373943681 và hẹn Ngụy Văn A1 khi nào đưa

được người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, quay về sẽ trả tiền công cho Nguyễn Văn A1 sau.

Sau khi nhận được khách, Triệu Văn Q đưa tất cả những người này đi theo đường mòn lên lán của mình. Khoảng 21 giờ thì lên đến nơi và thấy Hứa Viết T đang đợi ở đó. Tại đây, Hứa Viết T nói cho mọi người biết ngủ lại ở lán một đêm, hôm sau mới có người tiếp tục đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc; lúc này Nguyễn Trung K nói cho Hứa Viết T và Triệu Văn Q biết chỉ có nhiệm vụ đưa Mã Ngọc X và Sơn Thị Y lên đến lán, đến sáng hôm sau sẽ quay về. Do lán của Triệu Văn Q không đủ chỗ ngủ cho tất cả 12 người (11 người khách và Nguyễn Trung K) nên Hứa Viết T đưa 06 người (không xác định được thông tin cụ thể) về lán của mình để ngủ qua đêm. Hứa Viết T thông báo cho Lương Văn D biết đã đón được 11 khách như đã thỏa thuận. Lương Văn D bảo Hứa Viết T cứ cho khách ngủ ở lán, khi nào đưa đi được thì Hứa Viết T có nhiệm vụ tiếp tục dẫn khách đến dốc O thuộc thôn U, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho Lương Văn D, Hứa Viết T đồng ý và đi lán khác ngủ, còn 06 khách ngủ lại ở lán của Hứa Viết T. Sáng hôm sau ngủ dậy Hứa Viết T về nhà lấy đồ ăn lên lán cho khách.

Sáng ngày 28-10-2020, Triệu Văn Q đi xe máy xuống chợ mua thức ăn về nấu ăn cho mọi người ở lán đồng thời đưa Nguyễn Trung K ra ngã ba X, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để đón xe ô tô khách về thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trên đường đi Nguyễn Trung K đưa cho Triệu Văn Q 200.000 (hai trăm nghìn) đồng để mua thức ăn về nấu cho Mã Ngọc X và Sơn Thị Y.

Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Hứa Viết T đi từ nhà lên đến lán nhưng không thấy 06 người khách đâu, Hứa Viết T gọi vào số điện thoại 0373943681 cho Lương Văn D nhưng không liên lạc được, lúc này Triệu Văn Q gọi điện thoại thông báo cho Hứa Viết T biết có lực lượng chức năng đang tiến hành kiểm tra tại lán của Triệu Văn Q, khi Hứa Viết T đi xuống đến lán của Triệu Văn Q thì bị tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Đoàn Biên phòng Na Hình làm nhiệm vụ tại khu vực đồi T thuộc thôn N, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã đưa Hứa Viết T, Triệu Văn Q cùng người liên quan về trụ sở để làm việc .

Sáng ngày 28-10-2020, Lương Văn D đi từ nhà ra thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn với mục đích đón khách, trên đường đi Lương Văn D gọi cho H để đón khách nhưng không liên lạc được do vậy Lương Văn D chưa đi đón những khách này để đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Đến trưa cùng ngày Lương Văn D được biết Hứa Viết T và Triệu Văn Q đã bị bắt về hành vi Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Do thời điểm này Lương Văn D đang đi chăm sóc bố ốm tại bệnh viện, nên đến ngày 17-11-2020 D đã đến cơ quan điều tra để đầu thú và khai báo hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra đã tạm giữ các đồ vật, giấy tờ sau:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng hồng, bọc ốp màu đen, lắp 01 sim viettel, số Imei: 359233066116264 (điện thoại đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen, đã vỡ hỏng hoàn toàn (màn hình nứt vỡ, rời với máy) kèm theo 01 sim Viettel.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi redmi note 4 màu đen, lắp 01 sim Viettel, có số Imei 866037038826140; số Imei 2: 866037038826157, màn hình điện thoại có nhiều vết nứt vỡ (điện thoại đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model 1280, lắp 01 sim Viettel, có số Imei 359306040569418 (điện thoại đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Samsung, lắp 01 sim, có số Imei 352402/09/720378/2 (điện thoại đã qua sử dụng).

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 122101643 mang tên Nguyễn Trung K do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14-02-2017.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKS-P2 ngày 28-5-2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Hứa Viết T, Triệu Văn Q, Lương Văn D, Ngụy Văn A1 về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Trung K về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hứa Viết T, Triệu Văn Q, Lương Văn D, Ngụy Văn A1, Nguyễn Trung K đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của các bị cáo Hứa Viết T, Triệu Văn Q, Lương Văn D, Ngụy Văn A1, Nguyễn Trung K phù hợp với các tài liệu đã thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Các bị cáo Lương Văn D, Ngụy Văn A1, Hứa Viết T, Triệu Văn Q đã tổ chức cho 11 người xuất cảnh trái phép. Bị cáo Nguyễn Trung K đã được tổ chức cho 02 người xuất cảnh trái phép. Các bị cáo chưa được trả tiền công.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hứa Viết T, Triệu Văn Q, Lương Văn D, Ngụy Văn A1 phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015; đề nghị xử phạt các bị cáo Lương Văn D từ 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng đến 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù; Ngụy Văn A1 từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Hứa Viết T từ 07 (bảy) năm đến 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 2 Điều 54; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015

đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Văn Q từ 5 (năm) năm đến 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản để đảm bảo thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng hồng, bọc ốp màu đen, lắp 01 sim viettel, số Imei: 359233066116264 (điện thoại đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen, đã vỡ hỏng hoàn toàn (màn hình nứt vỡ, rời với máy) kèm theo 01 sim Viettel; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model 1280, lắp 01 sim Viettel, có số Imei 359306040569418 (điện thoại đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Samsung, lắp 01 sim, có số Imei 352402/09/720378/2 (điện thoại đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Hứa Viết T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi redmi note 4 màu đen, lắp 01 sim Viettel, có số Imei 866037038826140; số Imei 2: 866037038826157, màn hình điện thoại có nhiều vết nứt vỡ (điện thoại đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung K 01 (một) chứng minh nhân dân số 122101643 mang tên Nguyễn Trung K do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14-02-2017.

Người bào chữa cho bị cáo Ngụy Văn A1 trình bày: Về tội danh Viện kiểm sát nhân dân truy tố nhất trí, về tình tiết giảm nhẹ đưa ra một số tình tiết để Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như sau: Tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn dân trí thấp nhận thức còn hạn chế; gia đình của bị cáo có công với Nhà nước bố đẻ bị cáo là ông Lương Văn G được tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba; bị cáo mặc dù bệnh tật, hoàn cảnh kinh tế khó khăn tuy nhiên vẫn đóng góp vào quỹ phòng chống Covid 19 1.000.000 (một triệu) đồng, năm 2019 bị cáo đã mổ u não, di chứng để lại bị cáo bị bệnh động kinh; vai trò bị cáo không giữ vai trò chủ mưu cầm đầu mà chỉ là vai trò giúp sức; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ cụ thể tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; 04 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo chỉ có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hành vi đã cấu thành tội phạm nhưng chưa đạt theo quy định tại khoản 3 Điều 57; do đó đủ điều kiện áp dụng Điều 54 áp dụng hình phạt

dưới khung hình phạt. Viện kiểm sát chưa áp dụng Điều 57, Điều 54 là thiếu sót. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đã nêu trên và áp dụng Điều 57, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm cũng đảm bảo tính răn đe.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn D trình bày: Về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân truy tố là đúng, về tình tiết giảm nhẹ tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 là bị cáo ra đầu thú, có bố là ông Lương Văn M1 được Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thưởng huy chương chiến sĩ về vang. Bị cáo phạm tội chưa đạt do đó đề nghị Hội đồng xét xử khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 áp dụng hình phạt thấp hơn mức đề nghị mà Viện kiểm sát đã đề nghị. Nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát về việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Hứa Viết T trình bày: Về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân truy tố là đúng, về tình tiết giảm nhẹ tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo trình độ học vấn thấp, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, là người lao động chính trong gia đình; bị cáo phạm tội nhưng chưa đạt, chưa được hưởng lợi, hành vi phạm tội được ngăn chặn kịp thời; do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 57, Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm). Nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát về việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn Q trình bày: Về bản luận tội của Viện kiểm sát đã trình bày cơ bản đúng tình hình. Tuy nhiên đề nghị xem xét thời gian tạm giữ của bị cáo là ngày 28-10-2020 chứ không phải ngày 29-10-2020; bị cáo phạm tội chưa đạt nên đề nghị Hội đồng xét xử thêm Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đồng tình với việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt dưới mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị. Nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát về việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Kiểm sát viên tranh luận tại phiên tòa với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn A1: Nhất trí áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự với các tình tiết gia đình của bị cáo có công với Nhà nước bố đẻ bị cáo là ông Lương Văn G được tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba; bị cáo đóng góp vào quỹ phòng chống Covid 19 với số tiền là 1.000.000 (một triệu) đồng. Không đồng ý áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về tình tiết bị cáo đã mổ u não, di chứng để lại bị cáo bị bệnh động kinh vì bị cáo đã và đang được phẫu thuật, điều trị căn bệnh này hiện tại sức khỏe bị cáo đã bình thường và đang được điều trị theo chỉ định bác sĩ; vai trò của bị cáo Nguyễn Văn A1 không phải là vai trò thứ yếu vì bị cáo là người tiếp nhận ý chí từ bị cáo Lương

Văn D, tích cực liên hệ với bị cáo Hứa Viết T, trao đổi, hướng dẫn Hứa Viết T, Triệu Văn Q đưa đón người.

Kiểm sát viên tranh luận tại phiên tòa với ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức còn hạn chế là chưa phù hợp vì các bị cáo sinh sống ở địa P1 đã được chính quyền tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các bị cáo biết việc mình làm mà vẫn cố ý thực hiện tội phạm Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép trong tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp và đã được Nhà nước tuyên truyền sâu rộng như hiện nay. Không đồng ý với ý kiến của những người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 15, Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 phạm tội chưa đạt đối với các bị cáo vì tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép cấu thành hành vi nên khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì đã cấu thành tội phạm không phụ thuộc vào việc các bị cáo đã đưa được người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc mới cấu thành tội phạm. Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, nhân thân của bị cáo và vai trò của bị cáo trong vụ án; mức hình phạt đề nghị áp dụng là phù hợp; do vậy Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt như đã đề nghị ở trên.

Kiểm sát viên tranh luận tại phiên tòa với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn Q: Về thời gian tạm giữ là ngày 29-10-2020, còn ngày 28-10-2020 là ngày bị cáo lên làm việc tại cơ quan điều tra bị cáo chưa bị tạm giữ.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn A1 tranh luận: Bị cáo Nguyễn Văn A1 mổ u não năm 2019 và di chứng để lại bị cáo bị động kinh đây là khuyết tật về thần kinh nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Người bào chữa giữ nguyên lời bào chữa cho bị cáo như đã trình bày ở trên.

Những người bào chữa cho các bị cáo: Giữ nguyên ý kiến bào chữa cho các bị cáo như đã trình bày ở trên.

Kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, phù hợp với quy định của pháp luật Tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những

người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt những người làm chứng, người chứng kiến tại phiên tòa trong hồ sơ thể hiện họ đã có lời khai. Xét thấy việc vắng mặt của những người làm chứng, người chứng kiến không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với Biên bản sự việc ngày 28-10-2020; phù hợp với lời khai người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Lương Văn D, Hứa Viết T, Nguyễn Văn A1, Triệu Văn Q đã được tổ chức cho 11 người xuất cảnh trái phép. Bị cáo Nguyễn Trung K được tổ chức cho 02 người xuất cảnh trái phép. Các bị cáo chưa được hưởng tiền công. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Hứa Viết T, Triệu Văn Q, Lương Văn D, Nguyễn Văn A1 về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Trung K về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét thấy hành vi phạm tội mà các bị cáo Hứa Viết T, Triệu Văn Q, Lương Văn D, Nguyễn Văn A1 thực hiện thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Trung K là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực xuất cảnh của Nhà nước Việt Nam; đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương trong lĩnh vực quản lý hành chính, với công tác nhân khẩu và sản xuất; các bị cáo nhận thức được việc tổ chức cho người dân xuất cảnh trái phép ra khỏi biên giới Việt Nam mà không có giấy phép của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi mà các bị cáo cố ý thực hiện. Do đó Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục các bị cáo, làm gương cho những người khác có ý định thực hiện hành vi phạm tội tương tự.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo Hứa Viết T, Triệu Văn Q, Lương Văn D, Nguyễn Văn A1 là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nên cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[6] Đối với bị cáo Lương Văn D: Bị cáo là người có vai trò chính trong vụ án, là người trực tiếp tổ chức sắp xếp để đưa những người xuất cảnh trái phép qua biên giới để hưởng lợi, bị cáo là người trực tiếp liên hệ với người giới thiệu

khách ở Trung Quốc và Việt Nam để tổ chức cho 11 người xuất cảnh trái phép và được hứa hẹn trả tiền công là 180NDT/người, tuy nhiên bị cáo chưa được hưởng lợi. Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo có bố là ông Lương Văn M1 được Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thưởng huy chương chiến sĩ vẻ vang; bị cáo ra đầu thú nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2014/HS-ST ngày 26-5-2014 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 07 năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong chưa được xóa án tích nay lại phạm tội rất nghiêm trọng nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm h khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về nhân thân bị cáo chưa có tiền sự, có tiền án chưa được xóa án tích nên xác định bị cáo là người có nhân thân xấu.

[7] Đối với bị cáo Ngụy Văn A1 thấy rằng: Bị cáo là người có vai trò tích cực trong việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, bị cáo là người trao đổi, thỏa thuận đối với bị Hứa Viết T vì mục đích kinh tế nên bị cáo đã cố ý đưa người xuất cảnh trái phép qua biên giới và nhận tiền công từ bị cáo Lương Văn D sẽ được trả tiền công là 500.000 đồng; tuy nhiên bị cáo chưa được hưởng lợi. Bị cáo đã giúp sức trong việc tổ chức cho 11 người xuất cảnh trái phép qua biên giới. Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo có bố là ông Lương Văn G được tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba; bị cáo tích cực ủng hộ quỹ phòng chống covid 19 nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2014/HS-ST ngày 26-5-2014 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 07 năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong chưa được xóa án tích nay lại phạm tội rất nghiêm trọng nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm h khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về nhân thân năm 2019 bị cáo đã mổ u não, di chứng để lại bị cáo bị bệnh động kinh, tình hình sức khỏe bị cáo rất yếu hay bị ngất.

[8] Đối với bị cáo Hứa Viết T thấy rằng: Bị cáo là người có vai trò giúp sức trong việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Bị cáo là người tiếp nhận ý chí từ bị cáo Lương Văn D, Ngụy Văn A1 để đưa người về lán sau đó đưa người lên đồi U để qua biên giới Trung Quốc. Bị cáo trực tiếp giúp sức trong việc tổ chức cho 11 người xuất cảnh trái phép, bị cáo được hưởng lợi 100NDT (một trăm nhân dân tệ), tuy nhiên bị cáo chưa được trả tiền công. Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo

không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên xác định bị cáo người có nhân thân tốt.

[9] Đối với bị cáo Triệu Văn Q thấy rằng: Bị cáo là người có vai trò giúp sức thứ yếu trong việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép bị cáo cho những người xuất cảnh ở lại lán để chờ xuất cảnh trái phép; nhận thấy việc đưa đón người xuất cảnh trái phép có thể thu được lợi nhuận nên đã cố ý thực hiện. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong vụ án này bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu. Theo hướng dẫn tại tiểu mục 4, mục 1 Giải đáp số 01/2017/GĐ-TATC ngày 07-4-2017 Hướng dẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng thì: Phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nhưng người phạm tội có vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án có đồng phạm. Xét vị trí, vai trò của các bị cáo như phân tích ở trên thì bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo có đủ căn cứ để được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo ủng hộ chương trình "Hộp cơm nghĩa tình" trong phòng chống Covid 19 nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu và là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng vai trò không lớn. Nên có đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Điều đó vẫn đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội và cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, thật thà khai báo hành vi phạm tội của bản thân. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai có ông nội là ông Triệu Viết D1 được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, tuy nhiên đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo là đã có tiền sự đã được xóa tiền sự; chưa có tiền án.

[10] Đối với bị cáo Nguyễn Trung K bị cáo không phải là đồng phạm với các bị cáo Lương Văn D, Ngụy Văn A1, Hứa Viết T, Triệu Văn Q. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên xác định bị cáo là người có nhân thân tốt; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 triệu đồng đến 50.000.000 triệu đồng...”. Qua các tài liệu điều tra, xác minh cho

thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản để đảm bảo thi hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0398984041 và người đàn ông tên Q1, bị cáo Lương Văn D khai nhận chỉ biết người này tên là Q1, không biết họ, địa chỉ cụ thể. Cơ quan điều tra đã phối hợp với Tập đoàn Công Nghiệp Viễn thông Quân đội VIETEL xác minh số điện thoại trên có thông tin: Họ tên Tôn Hùng L1, sinh ngày 14-03-1986, địa chỉ xã N1, huyện L1, tỉnh Vĩnh Phúc cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành ủy thác điều tra cho cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành xác minh, triệu tập ghi lời khai đối với Tôn Hùng L1, Kết quả: Tại địa P1 không có công dân nào tên là Tôn Hùng L1 có thông tin như ở trên.

[13] Đối với người phụ nữ tên B1, bị cáo Lương Văn D khai nhận chỉ biết người phụ nữ này tên B1, hiện đang sinh sống tại Trung Quốc, không biết họ, địa chỉ cụ thể, không nhớ số điện thoại Trung Quốc. Vì vậy cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác minh làm rõ đối với người phụ nữ tên B1.

[14] Đối với người phụ nữ tên P1, hiện đang sinh sống tại Trung Quốc, không biết họ, địa chỉ cụ thể. Cơ quan điều tra không có đủ thông tin để xác minh làm rõ về người phụ nữ tên P1.

[15] Đối với Nguyễn Thị C1, cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập ghi lời khai đối với Nguyễn Thị C1 xác định: Do trước đó Nguyễn Thị C1 và P1 đều lấy chồng và sinh sống tại Trung Quốc nên đã quen biết và kết bạn Zalo với nhau. Sau khi thấy Nguyễn Thị C1 đăng ảnh lên Zalo đang ở thành phố T1, P1 đã hỏi Nguyễn Thị C1 đi đâu thì được Nguyễn Thị C1 cho biết đang trên đường đi lễ chùa Mẹ Nam Hải tại tỉnh Bạc Liêu, trên đường đi có đi qua tỉnh Sóc Trăng nên P1 đã nhờ Nguyễn Thị C1 khi nào về đến Sóc Trăng đón và đưa Sơn Thị Y đi cùng, khi ra đến Cần Thơ đón Mã Ngọc X cùng đi ra Hà Nội cho P1. Sau khi đến Hà Nội sẽ có một người phụ nữ tên là E1 (bạn của P1) đến đón và đưa lên Lạng Sơn làm thủ tục xuất cảnh sang Trung Quốc. Nguyễn Thị C1 đồng ý. Ngày 22-10-2020, Nguyễn Thị C1, Mã Ngọc X, Sơn Thị Y đến sân bay Cần Thơ để làm thủ tục đi máy bay ra Hà Nội. Khi đang đợi làm thủ tục lấy vé máy bay, E1 gọi cho Nguyễn Thị C1 thì được biết khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày mới ra đến Hà Nội. Do biết khi đó đã muộn, E1 hỏi địa chỉ nhà của Nguyễn Thị C1 để trực tiếp đến đợi, khi nào về thì E1 sẽ đưa Mã Ngọc X và Sơn Thị Y đi lên Lạng Sơn. Nguyễn Thị C1 đồng ý. Khi ra đến Hà Nội, C1 gọi điện thoại cho Nguyễn Trung K đến đón và đưa về nhà Nguyễn Thị C1 tại khu D, thị trấn C để nghỉ qua đêm (hiện vợ chồng K đang ở nhờ tại nhà C1), khi về đến nơi thì thấy E1 đang đợi ở đây. Sau đó C1 đi về nhà chồng tại khu M, thị trấn C. Sáng ngày 23/10/2020, E1, X, Y được ai đưa lên Lạng Sơn để làm thủ tục xuất cảnh sang Trung Quốc thì C1 không biết. Sau đó giữa C1 và những người này không có liên lạc gì với nhau. Nguyễn Thị C1 không biết việc P1 thuê Nguyễn Trung K đưa dẫn Sơn Thị Y và Mã Ngọc X xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Trong quá trình thực hiện hành vi Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép sang

Trung Quốc, giữa Nguyễn Thị C1 cùng với người phụ nữ tên P1 và Nguyễn Trung K không trao đổi gì với nhau; Nguyễn Thị C1 cũng không được hưởng lợi gì trong việc đưa đón Sơn Thị Y, Mã Ngọc X từ thành phố T1 ra đến nhà Nguyễn Thị C1 tại thị trấn C, huyện A, tỉnh Bắc Giang, cơ quan điều tra xác định hành vi của Nguyễn Thị C1 chưa cấu thành tội phạm, vì vậy không truy tố đối với Nguyễn Thị C1.

[16] Đối với người phụ nữ tên E1, bị cáo Nguyễn Trung K và những người liên quan trong vụ án khai nhận không biết họ, địa chỉ, không nhớ số điện thoại của Thường nên cơ quan điều tra không có thông tin để tiến hành xác minh làm rõ.

[17] Đối với Phan Thị N1, người đã gửi cho Hoàng Trọng T1 số điện thoại 0398984041 để liên lạc, trao đổi thống nhất về việc đưa dẫn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc; hiện N1 lấy chồng và đang sinh sống tại Trung Quốc (không rõ địa chỉ cụ thể) nên cơ quan điều tra không thể tiến hành triệu tập ghi lời khai đối với N1 để làm rõ về người sử dụng số điện thoại 0398984041.

[18] Đối với 06 người khách được bị cáo Hứa Viết T dẫn từ lán của bị cáo Triệu Văn Q về lán của bị cáo Hứa Viết T ngủ trong đêm ngày 27-10-2020, do các bị cáo và những đối tượng liên quan trong vụ án không biết họ tên, địa chỉ của những người này nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ để tiến hành xác minh làm rõ nhân thân lai lịch của những người này.

[19] Đối với xe mô tô có biển kiểm soát 12H1 – 334.24 do bị cáo Ngụy Văn A1 sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, giấy tờ xe mang tên Nông Văn R1, sinh năm 1953, trú tại thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai Nông Văn R1 xác định đầu năm 2019 ông Nông Văn R1 đã mua chiếc xe mô tô trên để phục vụ nhu cầu đi lại, đến khoảng giữa năm 2020 do không có nhu cầu sử dụng nên ông Nông Văn R1 đã bán lại cho người chuyên thu mua xe máy cũ, hiện tại không còn giữ giấy tờ mua bán nên không nhớ thông tin, địa chỉ của người mua xe. Trong quá trình điều tra bị cáo Ngụy Văn A1 khai nhận xe mô tô trên do Ngụy Thị E (mẹ của Ngụy Văn A1) mua để phục vụ nhu cầu đi lại của gia đình; Ngụy Thị E không biết Ngụy Văn A1 dùng xe mô tô trên để thực hiện hành vi Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Hiện nay xe mô tô trên thuộc sở hữu của Ngụy Thị E nên cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ phương tiện trên.

[20] Trong quá trình điều tra bị cáo Hứa Viết T khai nhận vào khoảng giữa tháng 10 năm 2020, Hứa Viết T được một người đàn ông (chưa rõ thông tin đặt vấn đề thuê đưa dẫn 04 người Việt Nam từ thôn N, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn đi theo đường mòn đến dốc O thuộc thôn U, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn với mục đích xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với giá tiền công là 100.000 (một trăm nghìn) đồng/khách, sau đó giao cho 02 người đàn ông đi xe máy đến đón. Do bị cáo Hứa Viết T không biết họ tên, không nhớ số điện thoại của người thuê và không biết thông tin của những khách đã được dẫn đi nên cơ quan điều tra không đủ thông tin xác minh làm rõ.

[21] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

[22] Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng hồng, bọc ốp màu đen, lắp 01 sim viettel, số Imei: 359233066116264 (điện thoại đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen, đã vỡ hỏng hoàn toàn (màn hình nứt vỡ, rời với máy) kèm theo 01 sim Viettel; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model 1280, lắp 01 sim Viettel, có số Imei 359306040569418 (điện thoại đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Samsung, lắp 01 sim, có số Imei 352402/09/720378/2 (điện thoại đã qua sử dụng) vì là công cụ, phương tiện phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[23] Trả lại cho bị cáo Hứa Viết T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi redmi note 4 màu đen, lắp 01 sim Viettel, có số Imei 866037038826140; số Imei 2: 866037038826157, màn hình điện thoại có nhiều vết nứt vỡ (điện thoại đã qua sử dụng) vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[24] Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung K 01 (một) chứng minh nhân dân số 122101643 mang tên Nguyễn Trung K do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14-02-2017 vì đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[25] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[26] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[27] Xét đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo Lãng Văn D, Ngụy Văn A1, Hứa Viết T, Triệu Văn Q cơ bản chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không được chấp nhận.

[28] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo Lương Văn D và Ngụy Văn A1.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo Hứa Viết T.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; khoản 2 Điều 54; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Triệu Văn Q.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Trung K.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; năm 2015.

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lương Văn D, Ngụy Văn A1, Hứa Viết T, Triệu Văn Q, Nguyễn Trung K phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Hình phạt:

- Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Lương Văn D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 17-11-2020.

+ Xử phạt bị cáo Ngụy Văn A1 07 (bảy) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Hứa Viết T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29-10-2020.

+ Xử phạt bị cáo Triệu Văn Q 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 29-10-2020 đến ngày 13-5-2021).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng hồng, bọc ốp màu đen, lắp 01 sim viettel, số Imei: 359233066116264 (điện thoại đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động nhãn

hiệu Vivo màu xanh đen, đã vỡ hỏng hoàn toàn (màn hình nứt vỡ, rời với máy) kèm theo 01 sim Viettel; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, model 1280, lắp 01 sim Viettel, có số Imei 359306040569418 (điện thoại đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Samsung, lắp 01 sim, có số Imei 352402/09/720378/2 (điện thoại đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Hứa Viết T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi redmi note 4 màu đen, lắp 01 sim Viettel, có số Imei 866037038826140; số Imei 2: 866037038826157, màn hình điện thoại có nhiều vết nứt vỡ (điện thoại đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung K 01 (một) chứng minh nhân dân số 122101643 mang tên Nguyễn Trung K do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14-02-2017.

(Vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-5-2021).

4. Về án phí: Các bị cáo Lương Văn D, Hứa Viết T, Ngụy Văn A1, Triệu Văn Q, Nguyễn Trung K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Công an huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Đội Tổng hợp Công an H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Các Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh